

Số: 2180920

|                                                | Mazda3 1.5L Signature | Mazda3 1.5L Luxury  |
|------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>739.000.000đ</b>   | <b>644.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                       |                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4660 x 1795 x 1440    | 4660 x 1795 x 1440  |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2725                  | 2725                |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                  | 5300                |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 145                   | 145                 |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1330                  | 1330                |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1780                  | 1780                |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 450                   | 450                 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                    | 51                  |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                     | 5                   |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước      | SX-LR trong nước    |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                       |                     |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L       | Skyactiv-G 1.5L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                  | 1496                |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000            | 110 / 6000          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 146 / 3500            | 146 / 3500          |
| Hộp số                                         | 6AT                   | 6AT                 |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)       | Cầu trước (FWD)     |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson    | Độc lập Mc Pherson  |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn            | Thanh xoắn          |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                   | Đĩa                 |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                   | Đĩa                 |
| Thông số lốp xe                                | 215/45 R18            | 205/60 R16          |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                     | ●                   |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport          | Normal/Sport        |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                       |                     |
| Cụm đèn trước                                  | LED                   | LED                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                     | ●                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                     |                     |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                     | ●                   |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                     |                     |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                     | Halogen             |
| Cụm đèn sau                                    | LED                   | LED                 |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                     | ●                   |
| Gạt mưa tự động                                | ●                     | ●                   |
| Cửa sổ trời                                    | ●                     |                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                       |                     |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                     | ●                   |
| Chất liệu ghế                                  | Da màu đen            | Da                  |
| Ghế người lái chỉnh điện                       | ●                     | ●                   |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                    | ●                     | ●                   |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ             | ●                     | ●                   |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                         | ●                     | ●                   |

|                                                 |                  |                  |
|-------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                                    | ●                |                  |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 8.8              | 8.8              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2                | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                | ●                |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                               | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                               | 8 loa            | 8 loa            |
| Lấy chuyển số                                   | ●                | ●                |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                | ●                |
| Rèm che nắng                                    | -                |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                  |                  |
| Số túi khí                                      | 7                | 7                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau      | Sau              |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                |                  |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                |                  |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                |                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●                | ●                |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                |                  |
| Camera lùi                                      | Camera 360       | ●                |